



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Phố Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  
Nhà máy: Km35 Quốc lộ 10, Xã Quốc Tuấn, H. An Lão, TP. Hải Phòng  
Tel: (84-225) 3525.195 - 3824.984 Fax: (84-225) 3824.562  
Email: info@lilama69-2.com.vn Website: lilama69-2.com.vn



Số: ...*31*.../TCKT 2019

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2019

(V/v: Công bố BCTC tổng hợp  
sau kiểm toán độc lập năm 2018)

**Kính gửi:** - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
2. Mã chứng khoán: **L62**
3. Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
4. Điện thoại: 02253.525 195 Fax: 02253.824 562
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phùng Phương Linh**
6. Nội dung của thông tin công bố:
  - 6.1 Báo cáo tài chính tổng hợp sau kiểm toán độc lập năm 2018 của Công ty cổ phần Lilama 69-2 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.
  - 6.2 Công văn giải trình chênh lệch Doanh thu và Lợi nhuận năm 2018 và năm 2017.
  - 6.3 Công văn giải trình chênh lệch Doanh thu lợi nhuận năm 2018 trước và sau kiểm toán.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: <http://www.lilama69-2.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

**NGƯỜI ĐƯỢC HỌ CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Nơi nhận:**

- Như k. gửi,
- Lưu.

**Phùng Phương Linh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Phố Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  
 Nhà máy: Km35 Quốc lộ 10, Xã Quốc Tuấn, H. An Lão, TP. Hải Phòng  
 Tel: (84-225) 3525.195 - 3824.984 Fax: (84-225) 3824.562  
 Email: info@lilama69-2.com.vn Website: lilama69-2.com.vn

Số:.....**29**...../TCKT 2019

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2019

(V/v: Giải trình chênh lệch KQ  
 SXKD tổng hợp năm 2018 và năm 2017)

**Kính gửi:** - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
 - **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
- Mã chứng khoán: **L62**
- Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
- Điện thoại: 0225 3.525 195 Fax: 0225 3.824 562
- Người thực hiện công bố thông tin: **Phùng Phương Linh**
- Nội dung : (Giải trình chênh lệch kết quả SXKD tổng hợp sau kiểm toán năm 2018 và năm 2017). Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT-BCT ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính, Công ty cổ phần LILAMA69-2 xin giải trình như sau:

- Một số chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)	So sánh
Doanh thu thuần	450.741.267.212	447.000.929.462	100,84%
Lợi nhuận sau thuế	1.310.852.769	878.041.234	149,29%

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần LILAMA 69-2 trong năm 2018 và năm 2017 tương đối ổn định, không có các thay đổi lớn. Công ty cổ phần LILAMA 69-2 là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp. Doanh thu, chi phí và lợi nhuận chung của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tiến độ và giai đoạn nghiệm thu của từng hợp đồng. Do đó, việc ghi nhận doanh thu, chi phí và lợi nhuận tại các thời điểm là khác nhau nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các kỳ báo cáo có sự chênh lệch. Đặc thù lại là ngành nghề có tỷ suất lợi nhuận không cao nên thay đổi không lớn về số tiền cũng có thể làm tỷ lệ so sánh biến động.

Trên đây là một số nguyên nhân dẫn đến chênh lệch kết quả sản xuất kinh doanh tổng hợp sau kiểm toán giữa năm 2018 và năm 2017 của Công ty cổ phần LILAMA 69-2.

- Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: <http://www.lilama69-2.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Trân trọng!****NGƯỜI ĐƯỢC ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ THÔNG TIN****Phùng Phương Linh****Nơi nhận:**

- Như k. gửi,
- Lưu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Phố Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  
Nhà máy: Km35 Quốc lộ 10, Xã Quốc Tuấn, H. An Lão, TP. Hải Phòng  
Tel: (84-225) 3525.195 - 3824.984 Fax: (84-225) 3824.562  
Email: info@lilama69-2.com.vn Website: lilama69-2.com.vn



Số:.....30...../TCKT 2019

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2019

(V/v: Giải trình chênh lệch KQ SXKD  
tổng hợp năm 2018 trước và sau kiểm toán)

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
2. Mã chứng khoán: **L62**
3. Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
4. Điện thoại: 0225 3.525 195 Fax: 0225 3.824 562
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phùng Phương Linh**
6. Nội dung : (Giải trình chênh lệch kết quả SXKD tổng hợp năm 2018 trước và sau kiểm toán).  
Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT-BCT ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính, Công ty cổ phần LILAMA69-2 xin giải trình như sau:

- Một số chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	So sánh
Doanh thu thuần	450.741.267.212	450.741.267.212	100%
Lợi nhuận sau thuế	1.310.852.769	1.459.303.185	89,83%

- Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty đã đánh giá lại số dư ngoại tệ của khoản phải thu dẫn đến số liệu trước và sau kiểm toán có sự chênh lệch. Số tiền không chênh lệch lớn nhưng do lợi nhuận không cao nên số liệu biến động quá 5%.

Trên đây là một số nguyên nhân dẫn đến chênh lệch kết quả sản xuất kinh doanh tổng hợp năm 2018 trước và sau kiểm toán của Công ty cổ phần LILAMA69-2.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: <http://www.lilama69-2.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Trân trọng!**

**NGƯỜI ĐƯỢC UQ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Nơi nhận:**

- Như k.gửi,
- Lưu.



**Phùng Phương Linh**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

**Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán**

**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018**

---

# MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 4
2	<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	5
3	<b>Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán</b>	
	<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp</i>	9
	<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp</i>	10 - 32

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 69-2 trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

#### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200155547 ngày 29/12/2017, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng (Tám mươi hai tỷ, chín trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200155547 ngày 29/12/2017 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

#### **2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2018 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm**

Ông Trương Đức Thành	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Vũ Kế Chương	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Đỗ Tiến Thành	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Trần Xuân Trường	Thành viên hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Minh	Thành viên hội đồng quản trị

##### **Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm**

Ông Vũ Kế Chương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hóa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 01/12/2018

#### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Vũ Kế Chương chức vụ Tổng Giám đốc.

#### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

#### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

#### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Vũ Kế Chương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2019



Số: 044/2019/BCKTTH-PB.00081

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Lilama 69-2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2019, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 69-2 tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



**ÔNG THẾ ĐỨC**

Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0855-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

**PHẠM TUẤN VŨ**

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2030-2018-009-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>504.459.530.330</b>	<b>485.623.554.563</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>6.990.441.314</b>	<b>8.312.191.299</b>
1. Tiền	111		6.990.441.314	8.312.191.299
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>275.272.729.580</b>	<b>285.845.652.278</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	230.112.258.816	255.264.383.951
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.126.588.774	16.943.378.311
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	28.446.914.429	21.050.922.455
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.413.032.439)	(7.413.032.439)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>221.599.075.087</b>	<b>186.357.266.725</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.4	221.599.075.087	186.357.266.725
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>597.284.349</b>	<b>5.108.444.261</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5.a	597.284.349	544.533.417
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	4.364.225.504
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	199.685.340
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>110.422.777.800</b>	<b>106.789.674.775</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.544.006.015</b>	<b>2.063.361.253</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	2.544.006.015	2.063.361.253
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>80.052.803.966</b>	<b>83.081.326.706</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	79.174.234.764	81.306.935.616
- Nguyên giá	222		167.705.524.184	162.652.915.358
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.531.289.420)	(81.345.979.742)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	878.569.202	1.774.391.090
- Nguyên giá	225		1.251.374.545	2.326.865.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(372.805.343)	(552.474.364)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	-
- Nguyên giá	228		935.731.847	935.731.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(935.731.847)	(935.731.847)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	5.9	<b>22.477.198.912</b>	<b>16.280.050.603</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22.477.198.912	16.280.050.603
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.348.768.907</b>	<b>5.364.936.213</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5.b	5.348.768.907	5.364.936.213
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>614.882.308.130</b>	<b>592.413.229.338</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>504.401.515.983</b>	<b>483.069.156.214</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>486.259.774.245</b>	<b>457.454.807.359</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	91.757.288.367	153.202.909.677
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		60.460.217.714	14.770.130.074
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11a	2.631.659.625	4.205.427.027
4. Phải trả người lao động	314		3.812.586.629	4.910.950.721
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	57.643.711.879	19.418.710.847
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		570.000.000	570.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	11.422.169.897	13.283.197.245
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	256.868.368.531	246.173.843.911
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.093.771.603	919.637.857
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.141.741.738</b>	<b>25.614.348.855</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	18.141.741.738	25.614.348.855
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>110.480.792.147</b>	<b>109.344.073.124</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>110.480.792.147</b>	<b>109.344.073.124</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.982.430.000	82.982.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		82.982.430.000	82.982.430.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.462.273	36.462.273
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.692.851.386	19.996.316.398
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.434.956.890	3.434.956.890
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.334.091.598	2.893.907.563
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.023.238.829	2.023.238.829
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.310.852.769	870.668.734
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>614.882.308.130</b>	<b>592.413.229.338</b>



**Vũ Kế Chương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2019

**Trần Thị Hương**  
**Kế toán trưởng**

**Trần Thị Hằng**  
**Người lập**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>450.741.267.212</b>	<b>447.000.929.462</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>450.741.267.212</b>	<b>447.000.929.462</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.2</b>	<b>410.135.380.587</b>	<b>409.333.606.519</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>40.605.886.625</b>	<b>37.667.322.943</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	363.651.108	145.103.111
7. Chi phí tài chính	22	6.4	24.949.833.201	21.562.606.606
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>24.746.616.530</i>	<i>21.532.892.041</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	15.774.930.923	17.244.077.573
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>244.773.609</b>	<b>(994.258.125)</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	7.437.368.881	2.703.748.768
12. Chi phí khác	32	6.7	5.978.144.385	527.954.071
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.459.224.496</b>	<b>2.175.794.697</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.703.998.105</b>	<b>1.181.536.572</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	393.145.336	303.495.338
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.310.852.769</b>	<b>878.041.234</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>6.9</b>	<b>228</b>	<b>153</b>
<b>19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>6.9</b>	<b>228</b>	<b>153</b>



Vũ Kế Chương  
 Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Trần Thị Hương  
 Kế toán trưởng

Trần Thị Hằng  
 Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	490.747.246.112	432.479.640.735
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(402.260.581.345)	(344.126.117.679)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(65.048.757.597)	(79.223.353.070)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(26.189.147.600)	(20.118.539.717)
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(2.733.004.086)	(575.695.552)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	20.215.140.393	13.402.584.329
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(13.709.283.996)	(46.466.742.726)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.021.611.881</b>	<b>(44.628.223.680)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.586.766.409)	(17.051.307.800)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36.664.211	52.325.073
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(5.550.102.198)</b>	<b>(16.998.982.727)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ	31	-	12.702.400.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	291.486.050.389	324.075.845.018
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(287.882.911.562)	(269.447.139.166)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(381.221.324)	(519.242.676)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.221.917.503</b>	<b>66.811.863.176</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1.306.572.814)</b>	<b>5.184.656.769</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>8.312.191.299</b>	<b>3.119.137.379</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(15.177.171)	8.397.151
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>6.990.441.314</b>	<b>8.312.191.299</b>



Vũ Kế Chương  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Trần Thị Hương  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hằng  
Người lập

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

#### 1. Đặc điểm hoạt động

##### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng, tổng số cổ phần là 8.298.243 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

##### 1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

##### 1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31/12/2018, công ty có 01 chi nhánh hạch toán độc lập, cụ thể:

<u>Tên Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2	Quận Hồng Bàng - thành phố	Xây lắp

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Xí nghiệp lắp máy và xuất nhập khẩu

Hải Phòng

#### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

#### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

##### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

##### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

##### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

##### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018**

---

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### **4.6 Tài sản cố định và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

#### **4.8 Vốn chủ sở hữu**

##### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

##### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### **Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

#### **4.9 Ghi nhận doanh thu**

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **4.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018**

---

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### **4.11 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

#### **4.12 Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

##### **Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **4.13 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	505.084.867	815.061.701
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.485.356.447	7.497.129.598
<b>Cộng</b>	<b>6.990.441.314</b>	<b>8.312.191.299</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên không liên quan</b>	<b>230.112.258.816</b>	<b>216.874.353.649</b>
- Công ty cổ phần Gas Việt Nhật	18.870.000.000	-
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Trí Đức	25.480.411.478	-
- Công ty cổ phần cơ khí và lắp máy Việt Nam - COLAVI - HĐ 160801 ngày 01/08/2016	18.064.085.789	33.288.478.432
- Công ty TNHH xây dựng dân dụng Olympia HĐ 99/2016	-	7.378.849.081
- C.ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng ánh Dương (HĐ: 148/2014/HĐ/ADC-Lilama 69-2 ngày 20/12/2014)	-	2.203.558.475
- Công ty TNHH CT điện lực Kaidi Vũ Hán Trung Quốc - VPĐH CT tại Quảng Ninh HĐ 020	5.251.845.934	4.178.885.365
- Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Olympia HĐ 616 - KS Accor Sapa	13.751.429.870	30.456.135.158
- Khách hàng khác	148.694.485.745	139.368.447.138
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>38.390.030.302</b>
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	-	38.390.030.302
<b>Cộng</b>	<b>230.112.258.816</b>	<b>255.264.383.951</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty dệt kim Hải Phòng	71.340.916	-	71.340.916	-
- Contrexim - khu phụ trợ XMHP	503.168.506	-	503.168.506	-
- Nguyễn Hữu Dân	8.648.000	-	8.648.000	-
- Công ty cổ phần dệt may xuất khẩu Hải Phòng	3.530.030.467	-	3.530.030.467	-
- Công trình Đức Tân Long	3.028.418.120	-	3.028.418.120	-
- Contrexim - CT cảng Cái Lân	27.826.530	-	27.826.530	-
- Nhà máy thức ăn gia súc thái Bình	18.194.000	-	18.194.000	-
- Cột phát sóng ăng ten Cát Bà	12.000.000	-	12.000.000	-
- Ông Hoàng Thế Bách	13.815.000	-	13.815.000	-
- Công ty công nghiệp tàu thủy Ngô Quyền Hải Phòng	199.590.900	-	199.590.900	-
	<b>7.413.032.439</b>		<b>7.413.032.439</b>	

**5.3 Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>28.446.914.429</b>	-	<b>21.050.922.455</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	7.483.112.124	-	2.388.067.978	-
- Phải thu khác	2.702.590.803	-	1.664.751.515	-
- Tạm ứng	18.261.211.502	-	16.998.102.962	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2.544.006.015</b>	-	<b>2.063.361.253</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	2.544.006.015	-	2.063.361.253	-
<b>Cộng</b>	<b>30.990.920.444</b>	-	<b>23.114.283.708</b>	-

**5.4 Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	42.412.128.019	-	13.958.140.695	-
Công cụ, dụng cụ	1.771.799.306	-	1.057.518.702	-
Chi phí SXKD dở dang	177.415.147.762	-	171.341.607.328	-
Hàng hóa	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>221.599.075.087</b>	-	<b>186.357.266.725</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**5.5 Chi phí trả trước**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>597.284.349</b>	<b>544.533.417</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	199.167.696	166.533.417
- Tiền thuê văn phòng	296.039.588	-
- Các khoản khác	102.077.065	378.000.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>5.348.768.907</b>	<b>5.364.936.213</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	53.637.834	91.123.595
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	139.930.556	-
- Các khoản khác	5.155.200.517	5.273.812.618
<b>Cộng</b>	<b>5.946.053.256</b>	<b>5.909.469.630</b>

**5.6 Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
Số cuối năm	-	935.731.847	935.731.847
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
Số cuối năm	-	935.731.847	935.731.847
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số đầu năm	77.035.500.907	45.556.978.487	39.504.127.134	556.308.830	-	162.652.915.358
- Mua trong năm	-	5.443.661.297	-	-	-	5.443.661.297
- Tặng khác	-	1.075.490.909	-	-	-	1.075.490.909
- Thanh lý, nhượng bán	-	(160.110.476)	(1.187.881.386)	(118.551.518)	-	(1.466.543.380)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>77.035.500.907</u>	<u>51.916.020.217</u>	<u>38.316.245.748</u>	<u>437.757.312</u>	<u>-</u>	<u>167.705.524.184</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số đầu năm	21.598.293.925	24.690.982.972	34.645.140.778	411.562.067	-	81.345.979.742
- Khấu hao trong năm	3.276.319.872	2.743.107.520	2.198.497.991	30.618.649	-	8.248.544.032
- Tăng khác	-	403.309.026	-	-	-	403.309.026
- Thanh lý, nhượng bán	-	(160.110.476)	(1.187.881.386)	(118.551.518)	-	(1.466.543.380)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>24.874.613.797</u>	<u>27.677.289.042</u>	<u>35.655.757.383</u>	<u>323.629.198</u>	<u>-</u>	<u>88.531.289.420</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số đầu năm	55.437.206.982	20.865.995.515	4.858.986.356	144.746.763	-	81.306.935.616
Số cuối năm	<u>52.160.887.110</u>	<u>24.238.731.175</u>	<u>2.660.488.365</u>	<u>114.128.114</u>	<u>-</u>	<u>79.174.234.764</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

65.528.630.706 đồng

51.346.084.682 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**5.8 Tài sản cố định thuê tài chính**

	Phương tiện vận tải truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng  <u>VND</u>
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Số đầu năm	2.326.865.454	-	2.326.865.454
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.075.490.909)	-	(1.075.490.909)
Số cuối năm	<u>1.251.374.545</u>	<u>-</u>	<u>1.251.374.545</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số đầu năm	552.474.364	-	552.474.364
- Khấu hao trong năm	223.640.005	-	223.640.005
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(403.309.026)	-	(403.309.026)
Số cuối năm	<u>372.805.343</u>	<u>-</u>	<u>372.805.343</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	<u>1.774.391.090</u>	<u>-</u>	<u>1.774.391.090</u>
Số cuối năm	<u>878.569.202</u>	<u>-</u>	<u>878.569.202</u>

**5.9 Tài sản dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		-		-
Các dự án đầu tư nâng cao năng lực - Công ty năm 2016 trở về trước	9.803.558.586	9.803.558.586	10.145.868.869	10.145.868.869
Dự án đầu tư nâng - cao năng lực Công ty năm 2017	9.217.268.603	9.217.268.603	6.134.181.734	6.134.181.734
Dự án đầu tư nâng - cao năng lực Công ty năm 2018	3.456.371.723	3.456.371.723		
<b>Cộng</b>	<u>22.477.198.912</u>	<u>22.477.198.912</u>	<u>16.280.050.603</u>	<u>16.280.050.603</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**5.10 Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>91.757.288.367</b>	<b>91.757.288.367</b>	<b>98.805.962.633</b>	<b>98.805.962.633</b>
- C.ty CP Thương Mại và Đầu Tư Thành Phúc	2.760.202.285	2.760.202.285	3.410.904.327	3.410.904.327
- Công ty CP Thương Mại Thái Giang	1.093.024.489	1.093.024.489	2.294.831.806	2.294.831.806
- Công ty cổ phần cơ khí và lắp máy Việt Nam	72.677.868	72.677.868	14.773.098.104	14.773.098.104
- Peter Cremer (S) GMBH	9.448.319.992	9.448.319.992	-	-
- Công ty TNHH thương mại- dịch vụ LKT	6.610.850.000	6.610.850.000	4.616.100.000	4.616.100.000
- Phải trả khác	71.772.213.733	71.772.213.733	73.711.028.396	73.711.028.396
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>54.396.947.044</b>	<b>54.396.947.044</b>
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	-	-	54.396.947.044	54.396.947.044
<b>Cộng</b>	<b>91.757.288.367</b>	<b>91.757.288.367</b>	<b>153.202.909.677</b>	<b>153.202.909.677</b>

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số cuối năm VND
<b>a. Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>4.205.427.027</b>	<b>6.199.914.240</b>	<b>7.773.681.642</b>	<b>7.773.681.642</b>	<b>2.631.659.625</b>	<b>2.631.659.625</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	757.903.591	5.016.023.958	4.212.509.999	4.212.509.999	1.561.417.550	1.561.417.550
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.981.459.286	516.210.720	2.733.004.086	2.733.004.086	764.665.920	764.665.920
- Thuế thu nhập cá nhân	466.064.150	412.173.462	572.661.457	572.661.457	305.576.155	305.576.155
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	250.506.100	250.506.100	250.506.100	-	-
- Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	5.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.205.427.027</b>	<b>6.199.914.240</b>	<b>7.773.681.642</b>	<b>7.773.681.642</b>	<b>2.631.659.625</b>	<b>2.631.659.625</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**5.12 Chi phí phải trả**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>57.643.711.879</b>	<b>19.418.710.847</b>
- Trích trước chi phí công trình	57.537.108.213	17.869.451.892
- Trích trước lãi vay phải trả	106.603.666	1.549.258.955
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>57.643.711.879</b>	<b>19.418.710.847</b>

**5.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>11.422.169.897</b>	<b>13.283.197.245</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	2.735.591.894	2.251.676.313
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	2.059.459.739	2.672.311.737
- Bảo hiểm y tế	-	683.066
- Bảo hiểm thất nghiệp	213.280.103	240.733.379
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.413.838.161	8.117.792.750
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.422.169.897</b>	<b>13.283.197.245</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**5.14 Vay và nợ thuê tài chính**

TT	Nội dung	Giá trị	Số cuối năm		Trong năm		Giá trị	Số đầu năm
			Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		
a)	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>256.868.368.531</b>	<b>256.868.368.531</b>	<b>289.470.778.889</b>	<b>278.776.254.269</b>	<b>246.173.843.911</b>	<b>246.173.843.911</b>	
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng <sup>(1)</sup>	195.550.836.434	195.550.836.434	207.357.388.659	208.567.731.770	196.761.179.545	196.761.179.545	
-	Ngân hàng TMCP An Bình <sup>(2)</sup>	44.928.496.543	44.928.496.543	59.944.354.676	44.962.771.658	29.946.913.525	29.946.913.525	
-	Ngân hàng TMCP quân đội <sup>(3)</sup>	10.413.276.043	10.413.276.043	11.693.276.043	18.745.750.841	17.465.750.841	17.465.750.841	
-	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh <sup>(4)</sup>	3.975.759.511	3.975.759.511	3.975.759.511	-	-	-	
-	Vay cá nhân	2.000.000.000	2.000.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	
b)	<b>Vay dài hạn</b>	<b>17.716.141.747</b>	<b>17.716.141.747</b>	<b>2.015.271.500</b>	<b>9.106.657.293</b>	<b>24.807.527.540</b>	<b>24.807.527.540</b>	
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng <sup>(5)</sup>	11.485.185.210	11.485.185.210	-	5.275.314.381	16.760.499.591	16.760.499.591	
-	Ngân hàng TMCP quân đội - CN Hải Phòng <sup>(6)</sup>	6.230.956.537	6.230.956.537	2.015.271.500	3.831.342.912	8.047.027.949	8.047.027.949	
c)	<b>Thuê tài chính</b>	<b>425.599.991</b>	<b>425.599.991</b>	<b>-</b>	<b>381.221.324</b>	<b>806.821.315</b>	<b>806.821.315</b>	
-	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN <sup>(7)</sup>	425.599.991	425.599.991	-	381.221.324	806.821.315	806.821.315	
<b>Cộng</b>		<b>275.010.110.269</b>	<b>275.010.110.269</b>	<b>291.486.050.389</b>	<b>288.264.132.886</b>	<b>271.788.192.766</b>	<b>271.788.192.766</b>	

Thời hạn	Kỳ này		Kỳ trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền TTC	Trả nợ gốc
- Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-
- Trên 1 đến 5 năm	438.189.070	381.221.324	626.786.447	519.242.676
			107.543.771	

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

#### 5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)

(1) Vay Ngân hàng SHB Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 670/2018/HDHM-PN/SHB 110400 ngày 26/07/2018, thời hạn vay là 12 tháng, hạn mức vay tối đa là 250 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản quy định trong hợp đồng thế chấp số 391/14.BĐ/133.PTV ngày 19/03/2014; Hợp đồng số 733/KD/09.TCTS ngày 30/12/2008; Hợp đồng số 1075/12.BĐ/346.NA ngày 30/05/2014; Hợp đồng số 0502/2013/TCQĐN/SHB.HP ngày 04/02/2013; Hợp đồng số 392A/14/BĐ/134.PTV ngày 19/03/2014 và Hợp đồng số 393/14.BĐ/135/PTV ngày 19/03/2014, Hợp đồng thế chấp số 17811/2014/HĐTC-QĐN/SHB 110400 ngày 28/11/2014, Hợp đồng thế chấp số: 5805/2015/HĐTC-QĐN/SHB 110400 ngày 04/05/2015, Hợp đồng thế chấp số: 14412/2016/TCQĐN/SHB/ 114000 ngày 02/12/2016, Hợp đồng thế chấp số: 164/2018/TCQĐN/SHB.11040 ngày 23/03/2018, Hợp đồng thế chấp số: 303/2018/TCQĐN/SHB.110400 ngày 14/06/2018.

(2) Vay Ngân hàng TMCP An Bình – CN Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 3586/18 TD-TT/XI ngày 27/07/2018, thời hạn vay 31/03/2019, hạn mức vay tối đa là 40 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động thanh toán chi phí đầu vào hợp lý phục vụ thực hiện Hợp đồng thi công chế tạo tuyến ống ngầm cấp khí N<sub>2</sub>/O<sub>2</sub>/H<sub>2</sub> ngày 03/04/2018 giữa Công ty CP Gas Việt Nhật và Công ty cổ phần Lilama 69-2, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo trong hợp đồng thế chấp số 3860/18/TC-TT/XI.

- Hợp đồng cho vay từng lần số 5650/18 TD-TT/XI ngày 03/12/2018, hạn mức vay tối đa là 12.5 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động thanh toán chi phí đầu vào hợp lý phục vụ thực hiện Hợp đồng thi công chế tạo số: 98/2018/HĐ/OCC-LILAMA 69-2 ngày 05/05/2018 giữa Công ty TNHH xây dựng dân dụng Olympia và Công ty cổ phần Lilama 69-2, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo trong hợp đồng thế chấp số 6006/18/TC-TT/XI.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 29312.18.257.1339407.TD ký ngày 21/08.2018, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 35 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản công ty CP Lilama 69-2 đang nắm giữ đó là máy càn trục thủy lực bánh xích Model QUY 150C mua của công ty CP khoa học sản xuất mỏ, hóa đơn GTGT số 0092201 ngày 08/08/2008.

(4) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3813/18/HĐTD ký ngày 28/06/2018, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 3 tỷ đồng. Mục đích vay để thanh toán các chi phí vật tư, hàng hóa chi phí nhân công đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6774/18MB/HĐTD ngày 09/10/2018, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 60 tỷ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là lô hàng hình thành từ nguồn vốn vay theo LC nhập khẩu trực tiếp mở tại HDBank.

(5) Khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số SHB13L2306/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để mua sắm thiết bị thi công; thời hạn vay là 54 tháng; lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số SHB14L2106/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để đầu tư Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện; thời hạn vay là 90 tháng; lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án hình thành sau đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018**

---

(6) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 141.15.257.1339407.TD ngày 03/09/2015; thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để thanh toán tiền đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động SXKD. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 64877.16.257.1339407.TD ngày 30/9/2016, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư nâng cao năng lực sản xuất năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng cho vay số 133024.17.257.1339407.TD ngày 28/06/2017, thời hạn cho vay là 48 tháng, số tiền cho vay là 14 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ trung hạn đầu tư sửa chữa, xây mới văn phòng – nhà xưởng và đầu tư máy móc thiết bị, lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(7) Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng thuê tài chính 43.16.01/CTTC ngày 11/8/2016, thời hạn 48 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 972.800.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi suất cơ bản đồng Việt Nam do Công ty cho thuê tài chính – NHTMCP Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán cộng biên độ 2,3%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**5.15 Vốn chủ sở hữu****5.15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND			VND	VND			
<b>01/01/2018</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>36.462.273</b>	-	-	<b>19.996.316.398</b>	<b>3.434.956.890</b>	<b>2.893.907.563</b>	<b>109.344.073.124</b>	
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	1.310.852.769	1.310.852.769	
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	696.534.988	-	-	696.534.988	
- Tăng khác	-	-	-	272.269.693	-	-	-	272.269.693	
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-	870.668.734	870.668.734	
- Giảm khác	-	-	-	272.269.693	-	-	-	272.269.693	
<b>31/12/2018</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>36.462.273</b>	-	-	<b>20.692.851.386</b>	<b>3.434.956.890</b>	<b>3.334.091.598</b>	<b>110.480.792.147</b>	

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 130/NQ-ĐHĐCĐ 2018 ngày 19/5/2018:

- Trích quỹ đầu tư phát triển:	696.534.988	đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	174.133.746	đồng
Tổng cộng	870.668.734	đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**5.15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	37.305.150.000	37.305.150.000
- Vốn góp của cổ đông khác	45.677.280.000	45.677.280.000
<b>Cộng</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>82.982.430.000</b>

**5.15.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm CP	Số đầu năm CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a) Doanh thu</b>	<b>450.741.267.212</b>	<b>447.000.929.462</b>
- Doanh thu hoạt động xây lắp	366.703.691.329	335.839.477.812
- Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ khác	84.037.575.883	111.161.451.650
<b>Cộng</b>	<b>450.741.267.212</b>	<b>447.000.929.462</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hoạt động xây lắp	327.443.067.485	300.246.852.812
- Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ khác	82.692.313.102	109.086.753.707
<b>Cộng</b>	<b>410.135.380.587</b>	<b>409.333.606.519</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.664.211	49.671.378
- Lãi chênh lệch tỷ giá	153.132.703	67.976.021
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	173.854.194	27.455.712
<b>Cộng</b>	<b>363.651.108</b>	<b>145.103.111</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	24.746.616.530	21.532.892.041
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	200.859.308	29.714.565
- Chi phí tài chính khác	2.357.363	-
<b>Cộng</b>	<b>24.949.833.201</b>	<b>21.562.606.606</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	863.156.848	1.083.370.367
- Chi phí nhân công	11.405.051.527	12.267.978.915
- Chi phí khấu hao TSCĐ	623.771.286	528.171.234
- Thuế, phí, lệ phí	236.889.379	276.072.141
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	354.850.042	48.969.964
- Chi phí khác bằng tiền	2.370.358.544	3.039.514.952
<b>Cộng</b>	<b>15.854.077.626</b>	<b>17.244.077.573</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thu nhập từ hành lý, nhượng bán TSCĐ	361.750.000	660.415.000
- Tiền hỗ trợ giải phòng mặt bằng	5.159.950.000	-
- Vật tư thu hồi	598.911.051	-
- Tiền hỗ trợ do đẩy nhanh tiến độ thi công	-	450.000.000
- Các khoản khác	1.316.757.830	1.593.333.768
	<b>7.437.368.881</b>	<b>2.703.748.768</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Các khoản bị phạt	358.238.448	218.395.834
- Các khoản chi phí khác	5.619.905.937	309.558.237
	<b>5.978.144.385</b>	<b>527.954.071</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**6.8. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.703.998.105</b>	<b>1.181.536.572</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>435.582.765</b>	<b>363.395.834</b>
- Các khoản chi phí (phạt)	426.567.765	218.395.834
- Chi phí phát hành tăng vốn	-	145.000.000
- Chi phí không hợp lý khác	9.015.000	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	-
<b>Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế</b>	<b>173.854.194</b>	<b>27.455.712</b>
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	173.854.194	27.455.712
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>1.965.726.676</b>	<b>1.517.476.694</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>393.145.336</b>	<b>303.495.338</b>

**6.9. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu***Lãi cơ bản trên cổ phiếu:*

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.310.852.769	878.041.234
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.741.817	5.741.817
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>228</b>	<b>153</b>

*Lãi suy giảm trên cổ phiếu:*

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.310.852.769	878.041.234
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.741.817	5.741.817
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm (CP)	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>228</b>	<b>153</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên vật liệu	231.031.490.884	275.862.088.078
- Chi phí nhân công	72.742.091.877	72.102.726.307
- Khấu hao tài sản cố định	8.472.184.037	8.899.435.731
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.524.789.408	112.342.050.586
- Chi phí bằng tiền khác	44.965.116.251	34.073.574.254
<b>Cộng</b>	<b>446.735.672.457</b>	<b>503.279.874.956</b>

**6.11 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.990.441.314	8.312.191.299
Phải thu khách hàng và phải thu khác	261.103.179.260	278.378.667.659
<b>Cộng</b>	<b>268.093.620.574</b>	<b>286.690.858.958</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	275.010.110.269	271.788.192.766
Phải trả người bán và phải trả khác	98.171.126.528	161.320.702.427
Chi phí phải trả	57.643.711.879	19.418.710.847
<b>Cộng</b>	<b>430.824.948.676</b>	<b>452.527.606.040</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(162.731.328.102)</b>	<b>(165.836.747.082)</b>

Tại ngày 31/12/2018 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP****Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018**

ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	256.868.368.531	18.141.741.738	275.010.110.269
Phải trả người bán và phải trả khác	98.171.126.528	-	98.171.126.528
Chi phí phải trả	57.643.711.879	-	57.643.711.879
<b>Cộng</b>	<b>412.683.206.938</b>	<b>18.141.741.738</b>	<b>430.824.948.676</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	246.173.843.911	25.614.348.855	271.788.192.766
Phải trả người bán và phải trả khác	161.320.702.427	-	161.320.702.427
Chi phí phải trả	19.418.710.847	-	19.418.710.847
<b>Cộng</b>	<b>426.913.257.185</b>	<b>25.614.348.855</b>	<b>452.527.606.040</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.990.441.314	-	6.990.441.314
Phải thu khách hàng và phải thu khác	258.559.173.245	2.544.006.015	261.103.179.260
<b>Cộng</b>	<b>265.549.614.559</b>	<b>2.544.006.015</b>	<b>268.093.620.574</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.312.191.299	-	8.312.191.299
Phải thu khách hàng và phải thu khác	276.315.306.406	2.063.361.253	278.378.667.659
<b>Cộng</b>	<b>284.627.497.705</b>	<b>2.063.361.253</b>	<b>286.690.858.958</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**6.12. Báo cáo bộ phận***Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh*

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	366.703.691.329	84.037.575.883	450.741.267.212
Khấu hao và chi phí phân bổ	6.892.604.219	1.579.579.818	8.472.184.037
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.046.893.965	239.916.950	1.286.810.915
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	5.443.661.297	-	5.443.661.297
Tài sản bộ phận	614.882.308.130	-	614.882.308.130
<b>Tổng tài sản</b>	<b>614.882.308.130</b>	-	<b>614.882.308.130</b>
Nợ phải trả bộ phận	504.425.557.837	-	504.425.557.837
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>504.425.557.837</b>	-	<b>504.425.557.837</b>

*Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo lĩnh vực địa lý*

	Miền Bắc	Miền Nam, Miền Trung, Tây Nguyên	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	450.741.267.212	-	450.741.267.212
Tài sản bộ phận	614.882.308.130	-	614.882.308.130
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	5.443.661.297	-	5.443.661.297

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**6.13 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
c) Ngoại tệ các loại		
- USD	2.721,21	1.103,74
- EUR	4.338,10	485,27

**7 Thông tin khác****7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT</b>	<b>1.459.697.214</b>	<b>2.047.000.000</b>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGD	1.459.697.214	2.047.000.000

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	Cổ đông lớn	Doanh thu thực hiện	33.644.278.141	40.520.948.235
		Chi phí mua vật tư	3.921.761.196	49.986.975.412

**7.3 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc



**Vũ Kế Chương**  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2019

**Trần Thị Hương**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Hằng**  
Người lập